

Bản án số: 24/2024/HS-ST
Ngày: 12-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thanh Tiền

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Tuyết

Ông Trần Văn Luyện

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tùng Lâm – Thư ký Toà án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đầu- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 15/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Hoàng Đức P, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1992 tại: Khánh Hòa; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp H, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở: Không nơi ở nhất định; Nghề nghiệp: Không; Học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Phúc H; Con bà: Nguyễn Thị C; Vợ, con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 27/02/2018 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 30/8/2018 đã chấp hành xong hình phạt tù (đã chấp hành xong bản án).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/10/2023 (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Bà Dương Thị P1, sinh năm 1964; Nơi cư trú: A, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Huỳnh Trung C1, sinh năm 1986; Nơi cư trú: A, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Đức P là đối tượng sống lang thang, không có nghề nghiệp ổn định. Ngày 24/3/2023, P quen biết với bà Dương Thị P1 do cùng chăm người bệnh và xin cơm từ thiện tại Bệnh viện C2, số B N, Phường A, Quận E. Quá trình quen biết, P nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà P1 nên thường xuyên quan tâm giúp đỡ và tâm sự với bà P1 để tạo lòng tin. Khoảng 9 giờ 30 ngày 27/3/2023, bà P1 do không biết sử dụng máy ATM nên đưa 01 thẻ ATM thuộc ngân hàng S tên “Huỳnh Trung C1” (con ruột bà P1) để nhờ P rút 20.000.000 đồng để đóng tiền viện phí cho chồng đang nằm điều trị bệnh tại Khoa nội phổi, lầu 8, Bệnh viện C2 thì P đồng ý. P cùng bà P1 đi đến trụ ATM trong Bệnh viện rút 12.000.000 đồng đưa cho bà P1. Do bà P1 đi theo và nhìn thấy P rút tiền nên P chưa chiếm đoạt được tiền của bà P1. Bà P1 nhờ P rút thêm 8.000.000 đồng để đủ tiền đóng viện phí cho chồng. Do đã có ý định chiếm đoạt tiền của bà P1 từ trước nên lúc này P nói dối với bà P1 máy ATM trong bệnh viện đã hết tiền nên phải đi ra ngoài Bệnh viện tìm máy ATM khác để rút tiền. Do tin tưởng nên bà P1 đồng ý và giao thẻ ATM cho P cầm đi ra ngoài. Sau đó, P cầm thẻ ATM của bà P1 đến trụ ATM Ngân hàng S Chi nhánh Q (địa chỉ số D N, Phường D, Quận A) rút 02 lần tổng cộng 12.000.000 đồng. Tiếp đó P đi đến trụ ATM Ngân hàng S Chi nhánh C3 (địa chỉ số I N, Phường D, Quận A) rút 04 lần tổng cộng 24.000.000 đồng. Số tiền trên P dùng để tiêu xài cá nhân hết. Đối với thẻ ATM mà bà P1 đưa cho P, P đã vứt trên đường di chuyển (không nhớ được địa điểm). Ngày 08/4/2023, P quay lại Bệnh viện C2 tiếp tục tìm người có tài sản sơ hở để chiếm đoạt tài sản thì bị bảo vệ bệnh viện bắt giữ, cùng ngày bà Dương Thị P1 cũng đến Công an P2, Quận E trình báo. Vụ việc sau đó được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 để thụ lý theo thẩm quyền.

Về vật chứng: Số tiền 36.000.000 đồng (số tiền P chiếm đoạt); 01 (một) thẻ ATM thuộc ngân hàng S tên “Huỳnh Trung C1” (không thu hồi được).

Về trách nhiệm dân sự: Bà Dương Thị P1 yêu cầu bị cáo Hoàng Đức P bồi thường số tiền 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng).

Bản cáo trạng số: 15/CT-VKSQ5 ngày 18/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Hoàng Đức P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Hoàng Đức P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 174; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Hoàng Đức P với mức án tù 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù; về trách nhiệm dân sự: Bà Dương Thị P1 yêu cầu P bồi thường số tiền 36.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết; về vật chứng xử lý theo quy định pháp luật.

Bị cáo Hoàng Đức P không có ý kiến bào chữa, không tranh luận và nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bà Dương Thị P1 yêu cầu bị cáo Hoàng Đức P bồi thường số tiền 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng). Ông Huỳnh Trung C1 không có yêu cầu gì.

Ngoài ra, không có ý kiến tranh luận nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 5, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa công khai, bị cáo Hoàng Đức P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Hoàng Đức P đã có hành vi gian dối để bà Dương Thị P1 tin tưởng giao cho bị cáo thẻ ATM và cung cấp mật khẩu rồi bị cáo P đã rút tiền trong thẻ ATM chiếm đoạt với số tiền là 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng). Như vậy, hành vi của bị cáo Hoàng Đức P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét bị cáo là người có năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được việc làm của mình, biết hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vì lợi ích cá nhân mà đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bản thân bị cáo từng bị Tòa án xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng không biết sửa đổi bản thân, cải tạo thành người có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự xã hội ở địa phương. Do đó, cần phải có một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; nhằm mục đích giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Căn cứ Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử xét thấy cần phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định, để bị cáo có thể cải tạo thành người có ích cho xã hội, đồng thời đủ sức răn đe đối với những người khác có hành vi tương tự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo phạm tội có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế nên không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[8] Về xử lý vật chứng:

Xét số tiền 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng) và 01 (một) thẻ ATM thuộc ngân hàng S tên “Huỳnh Trung C1” Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bà Dương Thị P1 yêu cầu bị cáo Hoàng Đức P bồi thường số tiền 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng), tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho bà P1 số tiền nêu trên, xét đây là sự tự nguyện của các bên trong yêu cầu về dân sự, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận.

Đối với ông Huỳnh Trung C1 là chủ tài khoản Thẻ ATM, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Hoàng Đức P 02 (hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 12 tháng 10 năm 2023.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 357; Khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Hoàng Đức P bồi thường cho bị hại Dương Thị P1 với số tiền 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bị hại Dương Thị P1 có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo không thanh toán khoản tiền bồi thường thiệt hại nêu trên, thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền mà bị cáo phải chịu bồi thường.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật phí và lệ phí.

Bị cáo chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo; bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TpHCM;
- Sở Tư pháp TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5;
- Cơ quan CSĐT Công an Quận 5;
- Phòng PV 06- Công an TPHCM;
- Bộ phận THA HS Tòa án Quận 5;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thanh Tiền